

CHÍNH PHỦ
Số: 201/2004/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2004

NGHỊ ĐỊNH

Về ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn.

Điều 2. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Quy chế này.

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, lãnh đạo các tổ chức khoa học và công nghệ các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

QUY CHẾ

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

(Ban hành kèm theo Nghị định số 201/2004/NĐ-CP

ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy chế này quy định việc quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn (sau đây gọi là khoa học xã hội) sử dụng ngân sách nhà nước hoặc không sử dụng ngân sách nhà nước, được tiến hành ở các cấp, trong phạm vi cả nước.
- Hoạt động khoa học xã hội được quy định tại Quy chế này bao gồm các nhiệm vụ khoa học xã hội và dịch vụ khoa học xã hội. Nhiệm vụ khoa học xã hội được tổ chức dưới hình thức chương trình, đề tài, dự án khoa học xã hội. Dịch vụ khoa học xã hội bao gồm hoạt động thông tin, tư vấn, phổ biến, đào tạo, bồi dưỡng và các hoạt động khác phục vụ cho nghiên cứu khoa học xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động khoa học xã hội trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động khoa học xã hội

Ngoài các nguyên tắc quy định tại Điều 5 của Luật Khoa học và Công nghệ, việc quản lý hoạt động khoa học xã hội còn phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

- Tôn trọng và bảo đảm quyền dân chủ, phát huy khả năng sáng tạo và nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học xã hội.
- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước về định hướng hoạt động khoa học xã hội được thể hiện trong cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng, trong pháp

luật, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước.

3. Bảo đảm sự quản lý thống nhất và có hiệu lực của Nhà nước đối với hoạt động khoa học xã hội từ trung ương đến địa phương nhằm phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các lĩnh vực khoa học xã hội.

Điều 4. Tài chính cho hoạt động khoa học xã hội

Tài chính cho hoạt động khoa học xã hội bao gồm các nguồn:

1. Nguồn ngân sách của Nhà nước (trung ương và các địa phương) đầu tư trực tiếp cho hoạt động khoa học xã hội được bố trí trong kế hoạch ngân sách hàng năm hoặc trong dự án kinh tế - xã hội của Nhà nước, Bộ, ngành và các địa phương.

Hoạt động khoa học xã hội sử dụng nguồn ngân sách này gọi là hoạt động khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các nguồn tài chính khác: kinh phí tự có của các tổ chức, cá nhân; tài trợ trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho hoạt động khoa học xã hội; kinh phí dành cho hoạt động khoa học xã hội thuộc các dự án kinh tế - xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước.

Hoạt động khoa học xã hội sử dụng các nguồn tài chính này gọi là hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương II

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC XÃ HỘI

Điều 5. Phân cấp nhiệm vụ khoa học xã hội

Các nhiệm vụ khoa học xã hội được phân thành 3 cấp:

1. Cấp nhà nước: Chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước, đề tài và dự án khoa học thuộc chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước, đề tài và dự án khoa học xã hội độc lập cấp nhà nước.

2. Cấp bộ: Chương trình, đề tài, dự án khoa học xã hội của các bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Cấp cơ sở: Đề tài, dự án khoa học xã hội của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học.

Điều 6. Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học xã hội

1. Định kỳ 5 năm, Bộ Khoa học và Công nghệ cụ thể hoá các định hướng của Đảng và Nhà nước trong hoạt động khoa học xã hội thành kế hoạch hoạt động khoa học xã hội nằm trong "Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu và danh mục các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước" trình Chính phủ phê duyệt.

2. Các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học xã hội của Chính phủ, nhu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của Bộ, ngành, địa phương và hướng dẫn của Bộ Khoa học và công nghệ xây dựng của Bộ, ngành, địa phương và hướng dẫn của Bộ Khoa học và công nghệ xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học xã hội định kỳ 5 năm và hàng năm của mình.

3. Kế hoạch hoạt động khoa học xã hội phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phục vụ trực tiếp, kịp thời yêu cầu lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước; góp phần giải quyết các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương.

b) Coi trọng nghiên cứu cơ bản, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng. Kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng; giữa nghiên cứu lý luận và nghiên cứu tổng kết thực tiễn; giữa nghiên cứu và đào tạo.

c) Cân đối các nhiệm vụ khoa học xã hội và điều kiện để thực hiện các nhiệm vụ đó nhằm phát triển hợp lý các lĩnh vực của khoa học xã hội.

Điều 7. Đề xuất nhiệm vụ khoa học xã hội

1. Mọi tổ chức và cá nhân đều có quyền đề xuất các nhiệm vụ khoa học xã hội với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp, với các tổ chức khoa học và công nghệ (tổ chức nghiên cứu và phát triển, trường đại học, tổ chức dịch vụ khoa học xã hội) và các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

2. Nhiệm vụ khoa học xã hội do tổ chức, cá nhân đề xuất phải phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển khoa học xã hội, đáp ứng nhu cầu phát triển lý luận khoa học xã hội và phát triển tiềm lực khoa học của các ngành khoa học xã hội; phục vụ yêu cầu lãnh đạo, quản lý và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức việc đề xuất nhiệm vụ khoa học xã hội để lựa chọn đưa vào kế hoạch 5 năm, hàng năm trong phạm vi quản lý.

Điều 8. Xác định và phê duyệt nhiệm vụ khoa học xã hội

1. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp tổng hợp các nhiệm vụ khoa học xã hội do các tổ chức, cá nhân đề xuất để xác định nhiệm vụ khoa học xã hội, định kỳ 5 năm và hàng năm, theo các quy định tại Điều 15 của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 81/2002/NĐ-CP).

2. Việc phê duyệt nhiệm vụ khoa học xã hội được phân cấp như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước do Bộ Khoa học và Công nghệ trình, bao gồm cả các nhiệm vụ khoa học về lý luận chính trị do Hội đồng Lý luận Trung ương đề xuất.

b) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt các đề tài và dự án thuộc chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước, đề tài và dự án khoa học xã hội độc lập cấp nhà nước.

c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt các chương trình, đề tài và dự án khoa học xã hội cấp Bộ.

d) Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị cơ sở phê duyệt các đề tài, dự án khoa học xã hội cấp cơ sở theo thẩm quyền được giao.

đ) Tổ chức, cá nhân tự xác định các nhiệm vụ khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý.

Chương III

QUẢN LÝ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC XÃ HỘI

SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 9. Phương thức giao nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước